

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Duyên.

Ông Trần Sóng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số P2/060, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn P**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 86/3A, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh P đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2022, bản tự khai đề ngày 28/3/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Trần Văn P quen biết từ năm 2005 rồi vợ chồng đi đến UBND xã G đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2017. Đây là hôn nhân lần đầu của chị.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống chung tại nhà cha mẹ chồng thuộc ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 02 (hai) tháng đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng tháng 3/2018 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn xúc phạm danh dự nhau. Mặt khác, thời điểm mới kết hôn về chị sống chung với gia đình chồng, trong cuộc sống hằng ngày thường xuyên va chạm với cha và anh chị em chồng. Khi chị làm gì không được lòng họ thì họ lại kể cho anh P nghe. Anh P là chồng tuy nhiên không phân biệt đúng sai, luôn đứng về phía gia đình hẳn học xúc phạm chị. Thậm chí vợ chồng còn xảy ra xô xát. Vào tháng 7/2018 sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh P đem hết quần áo, dây dép, giấy tờ tùy thân của chị đốt sạch. Do quá bức xúc với hành động của anh P nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại xã Q để sinh sống từ tháng 7/2018 đến nay. Sau khi chị về nhà cha mẹ đẻ sống thì anh P có xuống nhà chị duy nhất 01 lần vào tết âm lịch năm 2018. Từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc và cũng không gặp nhau lần nào nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn P.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống không có con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Trần Văn P vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Văn P.

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu “Ly hôn”, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”. Bị đơn anh Trần Văn P hiện đang cư trú tại số 86/3A, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Thanh T và anh Trần Văn P tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/8/2017. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị T và anh P là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, Chị T cho rằng anh P luôn đứng về phía gia đình, không phân biệt đúng sai và thường xuyên xúc phạm chị, thậm chí còn đốt quần áo và giấy tờ tùy thân của chị nên đã làm tổn thương chị đến mức không còn tình cảm để về chung sống. Từ tháng 7/2018 đến nay chị T bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại xã Q để sinh sống nhưng anh P vẫn không có ý thức hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tại bản tự khai đề ngày 24/5/2022, anh Phạm Minh T là em ruột chị T cho biết vợ chồng chị T và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh P thường bôi nhọ danh dự chị T trên mạng xã hội và đứng về phía gia đình hằn học xúc phạm chị T thường xuyên.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức Hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh P đều vắng mặt, cả chị T và anh P đều không có ý thức hàn gắn hay có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh P đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là

phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng anh chị không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T khai không còn và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh T về “*Ly hôn*”, chị Phạm Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh T và anh Trần Văn P không có con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003604 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thanh T và anh Trần Văn P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- CC THADS huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- (số ĐKKH 115/2017 ngày 14/8/2017);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan

